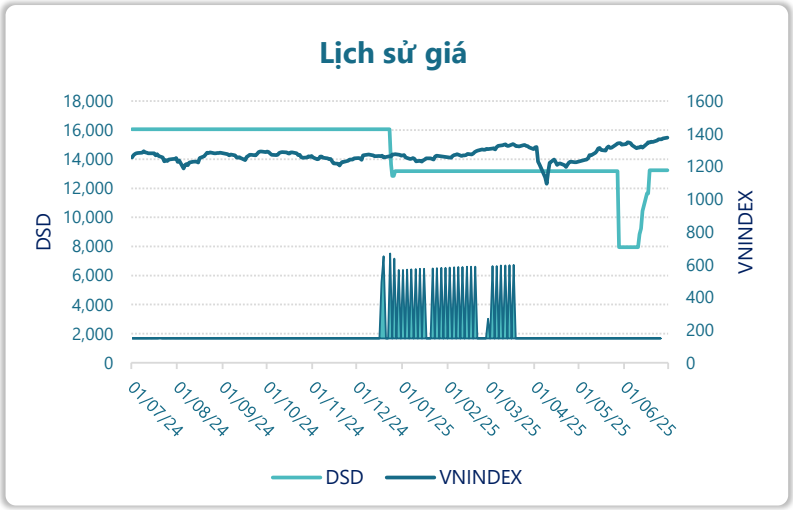
FireAnt

CTCP DHC Suối Đôi (UPCOM: DSD)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,058
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,949
SL cổ phiếu LH	47,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	777
P/E	43.9
EPS	376

DT thuần

Q2/25

76.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 56.9| 292%

YoY: ▲ 7.80| 11.3%

LN sau thuế

Q2/25

32.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 48.3| 304%

YoY: ▲ 8.70| 36.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

45.6%

+/- YoY: ▲ 1.9%

DT thuần

6T 2025

95.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.60| 8.7%

LN sau thuế

6T 2025

16.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.40| 62.6%

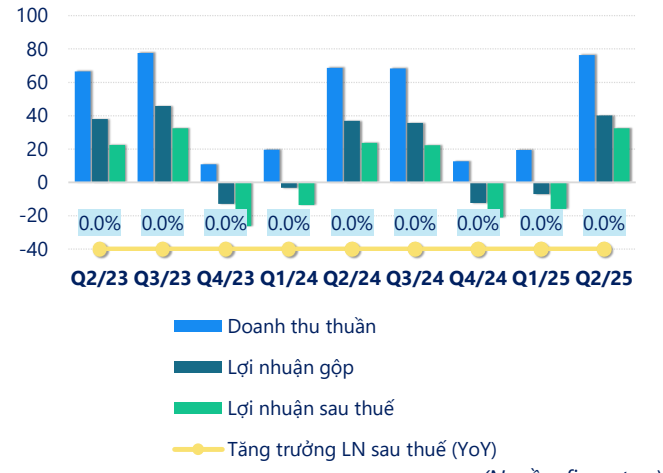
ROE

Q2/25

3.6%

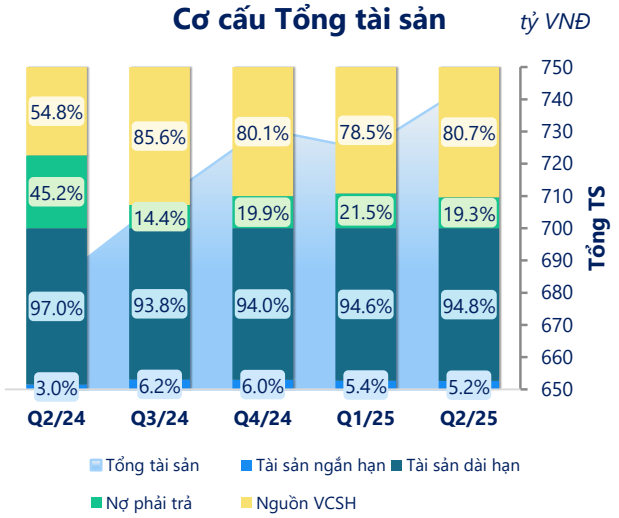
+/- YoY: ▼ 0.8%

Kết quả kinh doanh



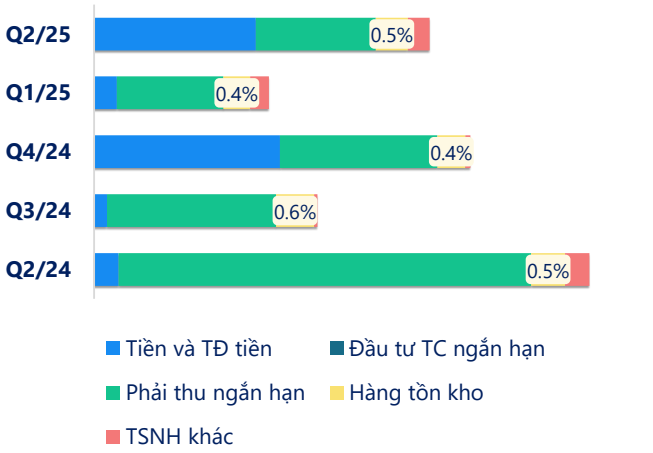
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



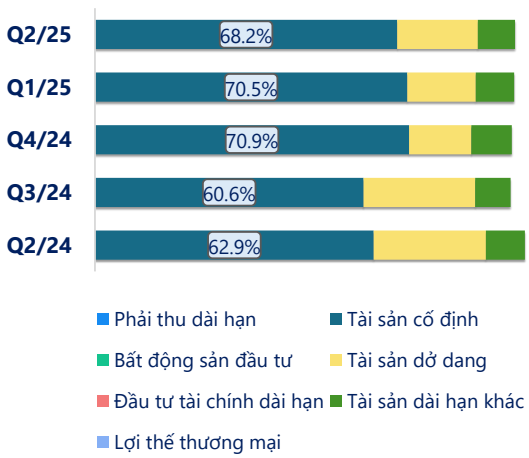
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



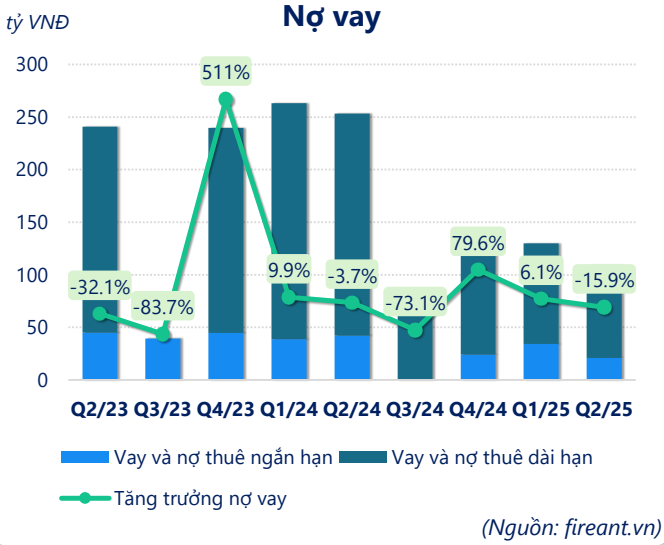
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



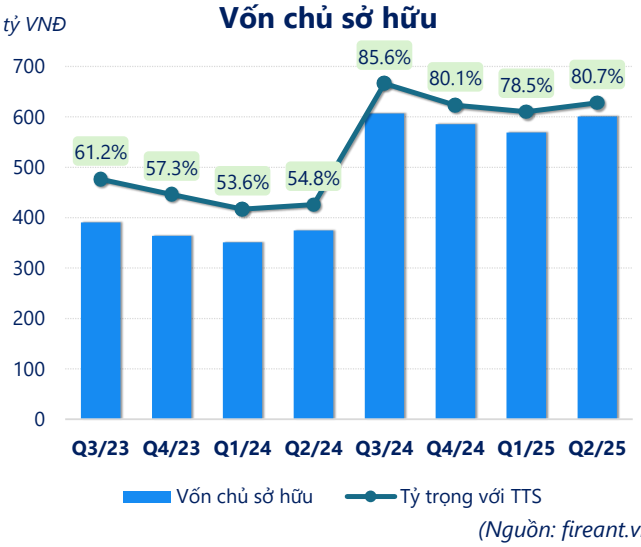
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



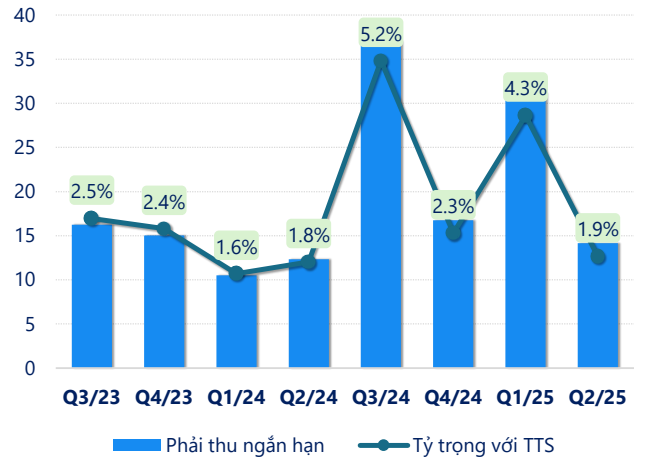
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



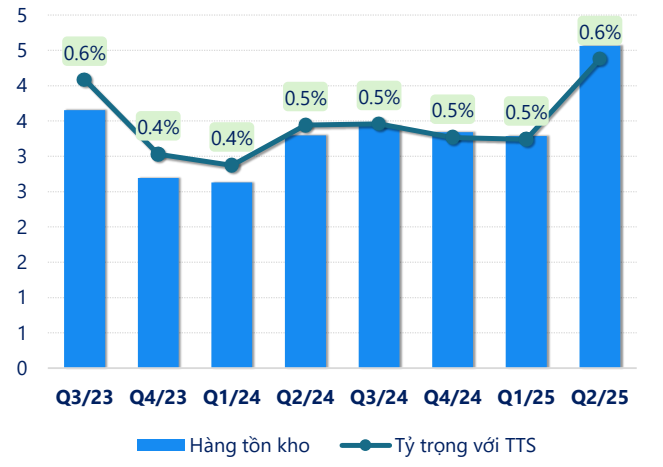
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



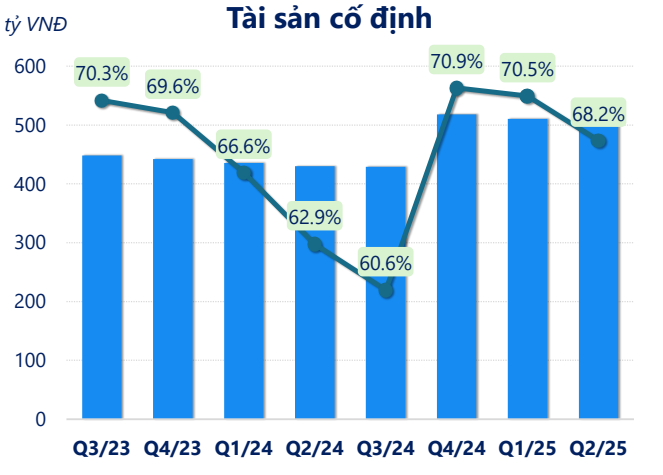
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



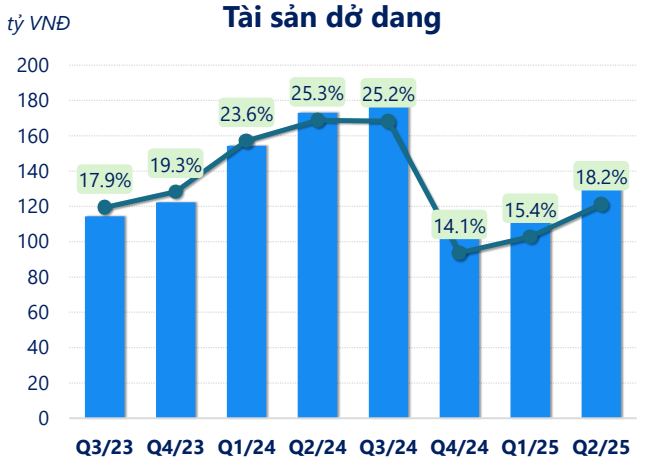
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



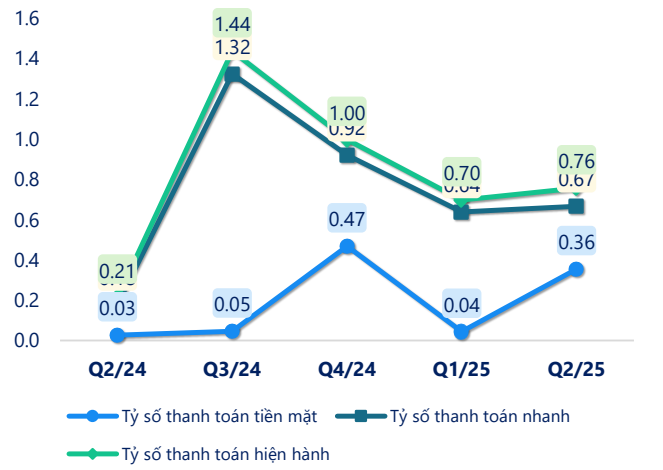
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



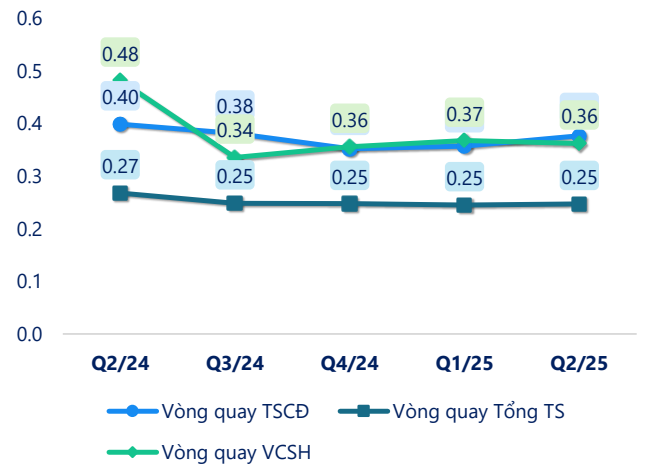
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**684**	**708**	**731**	**724**	**745**
Tài sản ngắn hạn	**20.4**	**43.7**	**43.5**	**39.2**	**38.6**
Tiền và tương đương tiền	2.54	1.38	20.4	2.47	18.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	12.3	37.0	16.8	31.1	14.2
Hàng tồn kho	3.30	3.43	3.34	3.29	4.56
Tài sản ngắn hạn khác	2.23	1.95	2.96	2.36	1.75
Tài sản dài hạn	**663**	**664**	**687**	**685**	**706**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	430	429	518	511	508
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	173	179	103	112	135
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	59.9	56.6	66.5	62.9	62.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**309**	**102**	**145**	**156**	**144**
Nợ ngắn hạn	**95.4**	**30.4**	**43.6**	**56.3**	**51.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.2	0	24.1	34.3	20.9
Phải trả người bán ngắn hạn	37.0	18.7	12.5	14.4	19.5
Nợ dài hạn	214	71.2	102	99.6	92.6
Vay và nợ thuê dài hạn	211	68.2	98.4	95.7	88.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**374**	**606**	**585**	**569**	**601**
Vốn chủ sở hữu	**374**	**606**	**585**	**569**	**601**
Vốn điều lệ	366	471	471	471	471
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)